



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 3 tháng 9 năm 2020. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị

Chủ tịch (từ ngày 19/8/2020)
Phó Chủ tịch (từ ngày 19/8/2020)
Chủ tịch (đến ngày 18/8/2020)
Ủy viên
Ủy viên (đến ngày 18/8/2020)
Ủy viên (từ ngày 19/8/2020)
Ủy viên

Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Phạm Phú Cường
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Lê Khắc Hiệp

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Lê Tiến Trường
Bà Phạm Nguyên Hạnh
Ông Lê Trung Hải
Ông Phạm Phú Cường
Ông Nguyễn Đức Khiêm
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuần
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Khánh Sơn

Tổng Giám đốc (từ ngày 19/8/2020)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/8/2020)
Tổng Giám đốc (đến ngày 18/8/2020)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/09/2020)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/09/2020)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)
Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/8/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Lê Trà My
Bà Nguyễn Thị Kim Dung
Ông Phan Thanh Sơn
Bà Lê Thị Ánh Ngọc

Trưởng ban (từ ngày 19/8/2020)
Trưởng ban (đến ngày 18/8/2020)
Thành viên
Thành viên (từ ngày 19/8/2020)
Thành viên (từ ngày 19/8/2020)
Thành viên (từ ngày 19/8/2020)
Thành viên (đến ngày 18/8/2020)
Thành viên (đến ngày 18/8/2020)
Thành viên (đến ngày 18/8/2020)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 66 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

Đặng Vũ Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 66.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 40 của báo cáo tài chính riêng, trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 đã được điều chỉnh lại.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 không bị ngoại trừ về vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00283-21-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.352.207.051.966	2.875.212.463.035
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	73.800.360.481	87.308.080.590
Tiền	111		63.416.675.864	38.308.080.590
Các khoản tương đương tiền	112		10.383.684.617	49.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		935.258.000.000	1.280.658.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	935.258.000.000	1.280.658.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.208.458.211.373	1.220.849.891.673
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	261.773.732.407	188.439.233.481
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	52.006.149.027	55.601.720.886
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	226.733.263.412	190.256.716.838
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	668.643.128.427	787.250.282.368
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(698.061.900)	(698.061.900)
Hàng tồn kho	140	11	119.193.362.275	270.819.496.947
Hàng tồn kho	141		122.643.076.577	278.813.110.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.449.714.302)	(7.993.613.540)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.497.117.837	15.576.993.825
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.712.193.311	4.414.719.049
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.389.704.327	10.941.554.577
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18(a)	395.220.199	220.720.199

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.913.814.394.191	6.078.316.096.595
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.631.078.372.621	1.691.698.534.360
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	1.345.827.410.069	1.407.541.220.752
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	285.250.962.552	284.157.313.608
Tài sản cố định	220		1.100.734.295.866	1.198.977.186.305
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.039.404.891.409	1.135.907.494.436
Nguyên giá	222		1.724.871.413.805	1.713.392.138.259
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(685.466.522.396)	(577.484.643.823)
Tài sản cố định vô hình	227	13	61.329.404.457	63.069.691.869
Nguyên giá	228		81.790.248.511	81.759.326.511
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.460.844.054)	(18.689.634.642)
Tài sản dở dang dài hạn	240		65.060.414.073	44.551.177.250
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	65.060.414.073	44.551.177.250
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	3.064.771.104.226	3.085.164.506.346
Đầu tư vào công ty con	251		2.142.081.329.010	2.140.377.966.617
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.082.737.329.878	1.082.737.329.878
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.758.224.260	55.758.224.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(215.805.778.922)	(193.709.014.409)
Tài sản dài hạn khác	260		52.170.207.405	57.924.692.334
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	52.170.207.405	57.924.692.334
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.266.021.446.157	8.953.528.559.630

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.453.586.628.518	3.025.254.267.368
Nợ ngắn hạn	310		512.771.354.863	937.898.893.031
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	100.377.686.931	114.159.028.671
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	4.158.812.248	4.118.748.339
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	4.058.327.777	7.448.820.417
Phải trả người lao động	314		23.381.281.404	18.036.886.856
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19(a)	3.995.368.142	5.415.093.135
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		447.293.939	528.585.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	33.416.731.354	426.075.726.516
Vay ngắn hạn	320	21(a)	317.232.610.967	340.755.942.102
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	25.703.242.101	21.360.061.995
Nợ dài hạn	330		1.940.815.273.655	2.087.355.374.337
Chi phí phải trả dài hạn	333	19(b)	22.768.128.000	23.716.800.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		248.500.000	674.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		402.584.805	491.731.805
Vay dài hạn	338	21(b)	1.917.396.060.850	2.062.472.342.532
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.812.434.817.639	5.928.274.292.262
Vốn chủ sở hữu	410	23	5.786.137.046.677	5.899.934.894.280
Vốn cổ phần	411	24	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.682.269.230	326.480.116.833
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		66.480.116.833	34.090.705.204
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		146.202.152.397	292.389.411.629
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	26	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		26.297.770.962	28.339.397.982
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	27	26.297.770.962	28.339.397.982
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.266.021.446.157	8.953.528.559.630

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
 Kế toán trưởng

Đặng Vũ Hùng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.142.054.378.825	896.121.948.607
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	114.183.266	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.141.940.195.559	896.121.948.607
Giá vốn hàng bán	11	30	1.053.034.108.508	846.007.353.708
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		88.906.087.051	50.114.594.899
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	297.342.148.968	499.176.963.122
Chi phí tài chính	22	32	82.057.733.103	97.556.024.406
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.319.608.732	88.449.551.143
Chi phí bán hàng	25	33	58.751.389.637	41.933.482.546
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	104.115.125.676	116.464.335.025
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		141.323.987.603	293.337.716.044
Thu nhập khác	31		6.492.205.612	682.627.807
Chi phí khác	32		1.614.040.818	1.630.932.222
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.878.164.794	(948.304.415)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		146.202.152.397	292.389.411.629
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		146.202.152.397	292.389.411.629

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Hùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		146.202.152.397	292.389.411.629
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		112.392.933.867	113.162.289.747
Các khoản dự phòng	03		17.552.865.275	(13.297.784.727)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.176.177)	(1.647.605.235)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(293.915.700.650)	(494.663.679.410)
Chi phí lãi vay	06		59.319.608.732	88.449.551.143
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		41.540.683.444	(15.607.816.853)
Biến động các khoản phải thu	09		(67.431.114.059)	(50.623.548.601)
Biến động hàng tồn kho	10		156.170.033.910	(23.193.021.077)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(19.753.490.026)	90.951.893.353
Biến động chi phí trả trước	12		3.185.370.595	6.109.034.450
			113.711.483.864	7.636.541.272
Tiền lãi vay đã trả	14		(61.655.302.245)	(91.903.967.427)
Tiền trả về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp	17		(357.614.866.635)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.997.961.666)	(11.815.646.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(310.556.646.682)	(96.083.072.335)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(32.377.580.434)	(54.296.372.527)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		164.090.909	473.092.673
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23		(1.220.291.631.230)	(1.866.958.000.000)
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và tiền thu hồi cho vay	24		1.589.687.136.551	765.770.042.156
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(34.461.056.000)	(20.800.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	73.597.760.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		409.798.080.438	573.902.269.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		712.519.040.234	(528.311.207.908)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		558.235.608.451	569.712.955.800
Tiền trả nợ gốc vay	34		(725.126.311.551)	(611.257.219.076)
Tiền trả cổ tức	36		(249.951.450.500)	(349.925.592.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(416.842.153.600)	(391.469.855.776)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(14.879.760.048)	(1.015.864.136.019)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		87.308.080.590	1.102.288.489.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.372.039.939	883.727.143
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	73.800.360.481	87.308.080.590

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Hùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Dệt may phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết (1/1/2020: 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết), được trình bày tại Thuyết minh 5(b).

Trong năm, một công ty con cấp 2 đã bán toàn bộ cổ phần tại một công ty con cấp 3, qua đó làm giảm số lượng công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 672 nhân viên (1/1/2020: 693 nhân viên).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh năm 2016 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ cùng giảm 3.029 triệu VND (1/1/2020: 6.058 triệu VND), chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt sẽ cùng giảm và tăng 3.029 triệu VND (2019: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN, lần lượt, sẽ cùng giảm và tăng 3.029 triệu VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

11/01/2021
CH
K

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(iv) Chi phí khác

Chi phí khác chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn thủ tục cải cách doanh nghiệp và các chi phí khác. Các khoản chi phí này được phân bổ trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.843.261.851	2.872.481.495
Tiền gửi ngân hàng	61.461.615.473	35.305.530.895
Tiền đang chuyển	111.798.540	130.068.200
Các khoản tương đương tiền	10.383.684.617	49.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	73.800.360.481	87.308.080.590

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 7.562 triệu VND (1/1/2020: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 20(i)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020				1/1/2020					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(12.474.151.268)	(*)	100,00%	100,00%	163.529.009.868	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(19.271.678.832)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(18.550.345.043)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (i)	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (ii)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(98.655.224.059)	(*)	100,00%	100,00%	532.856.238.375	(74.656.886.582)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(44.626.666.517)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(59.102.888.574)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (iii)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	(2.939.865.693)	(*)	59,74%	59,74%	33.800.000.000	(2.946.549.913)	(*)
			2.142.081.329.010	(204.000.086.369)				2.140.377.966.617	(181.289.170.112)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2020		1/1/2020		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCB	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	21,21%	28.018.860.248	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCB	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCB	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCB	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCB	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			312.976.679.391	(410.864.901)	(*)
			1.082.737.329.878	(410.864.901)	1.082.737.329.878
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,5%	2,5%	19.450.204.510	(11.394.827.652)	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			30.002.094.390	-	(*)
			55.758.224.260	(11.394.827.652)	55.758.224.260
			3.280.576.883.148	(215.805.778.922)	3.278.873.520.755

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 20(ii), ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT ("Quyết định 1080") về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và số phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên.

- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Trong năm, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã mua cổ phần mới phát hành thêm của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện tại, qua đó làm tăng giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty này. Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong công ty con này không thay đổi.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ban hành Quyết định số 122/QĐ-TĐDMVN về việc quyết toán vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex. Theo đó, tổng giá trị vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex được giữ nguyên theo Nghị quyết số 17/NQ-TĐDMVN ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc góp vốn vào Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex là 500 tỷ VND. Số tiền chênh lệch là 32.856.238.375 VND được chuyển thành công nợ phải thu giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex từ ngày 30 tháng 6 năm 2020.
- (iii) Trong năm, các cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng đã mua thêm cổ phiếu mới phát hành, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại công ty này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 20 công ty liên kết (11/2020: có 13 công ty con cấp 1 và 20 công ty liên kết). Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	16.441.175.672	33.896.800.294
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3	58.236.541.021	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	61.485.672	4.197.368.419
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	64.593.907.911	44.505.362.621
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	6.495.878.860	7.452.684.620
▪ Các công ty con khác	2.235.112.715	1.945.690.560
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	9.900.000	9.900.000
▪ Các công ty liên kết khác	348.221.174	204.102.254
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	66.417.465.501	23.000.727.578
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	-	14.331.007.076
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	280.832.588	12.927.229.238
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	12.916.052.995	11.363.070.485
▪ Xiamen ITG Group Corp., Ltd	2.551.702.579	3.333.340.180
▪ Các khách hàng khác	31.185.455.719	31.271.950.156
	261.773.732.407	188.439.233.481

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	19.462.747.660	19.462.747.660
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	12.746.104.727	12.746.104.727
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	3.127.067.340	60.681.939
Trả trước cho người bán là bên thứ ba		
▪ Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	-	363.243.600
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	9.533.312.362	9.578.033.962
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Quảng cáo Dịch vụ Thương mại Trang Trí Việt	-	3.907.620.400
▪ Các nhà cung cấp khác	7.136.916.938	9.483.288.598
	<hr/>	<hr/>
	52.006.149.027	55.601.720.886
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu về cho vay các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	71.423.584.350	58.247.037.776
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	32.599.388.608	32.999.388.608
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (*)	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	23.700.000.000	-
Phải thu về cho vay các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
	226.733.263.412	190.256.716.838

(*) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và không tính lãi.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi theo lãi suất năm từ 0% đến 9% (1/1/2020: từ 0% đến 10%).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu về cho vay các công ty con			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	531.150.923.620	540.669.402.390
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i) – công ty con cấp 2	2035	217.002.896.414	220.891.692.177
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	213.666.699.872	217.495.709.395
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2035	134.400.010.740	136.808.523.325
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (ii)	2022	32.400.000.000	32.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	81.183.625.042	82.638.474.478
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (i)	2035	75.896.383.023	77.256.482.337
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	2021	-	38.576.562.952
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	60.126.871.358	61.204.373.698
		1.345.827.410.069	1.407.541.220.752

- (i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 21(b)(ii)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được điều chỉnh 3 tháng một lần và dao động từ 7% đến 8,8% một năm (2019: 8% đến 9% một năm).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**9. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
Cổ tức phải thu	338.608.618.393	447.627.669.019
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (*)	136.932.000.001	136.932.000.000
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	89.688.194.717	89.837.282.279
Tiền lãi cho vay	27.361.743.394	25.927.113.952
Lãi tiền gửi	10.360.000.559	18.489.502.244
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	20.205.443.387	20.205.443.387
Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân (**)	15.381.160.391	15.381.160.391
Phải thu Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	16.322.000.000	16.322.000.000
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	-	1.330.000
Tạm ứng cho công nhân viên	1.403.311.751	1.330.971.880
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.380.655.834	15.195.809.216
	668.643.128.427	787.250.282.368

(*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

(**) Đây là chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn thực góp ở Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân và giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con này được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt theo Quyết định 1080 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Bộ Công thương ban hành vào ngày 7 tháng 4 năm 2020. Đối với các công ty con mà Tập đoàn Dệt May sở hữu 100%, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh theo giá trị thực góp vào công ty, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại được phê duyệt theo Quyết định 1080 và giá trị thực góp sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và ghi nhận khoản phải thu hoặc phải trả công ty con tương ứng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	80.931.462.757	157.354.798.334
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – công ty con cấp 2	156.664.174.732	156.972.802.736
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	4.556.715.583	4.654.203.162
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	22.236.413.809	37.155.917.949
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	68.375.247.853	69.326.639.771
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	2.557.875.000	2.153.816.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	5.230.778.270	9.819.116.943
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	20.946.715.558	19.126.444.162
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	89.688.194.717	89.837.282.279
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	16.320.000.000	16.320.000.000
▪ Các công ty con khác	16.112.498.145	8.901.250.000
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	80.435.520.000	53.623.680.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	16.753.500.000	24.637.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	11.384.271.360	33.204.124.800
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	6.048.000.000	12.600.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	6.338.446.000	11.092.280.500
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	12.272.877.600	17.386.576.600
▪ Các công ty liên kết khác	38.862.777.175	27.697.323.003
	<hr/> 655.715.468.559	<hr/> 751.863.756.239 <hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	110.202.773.606	109.108.124.662
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.533.252.508	4.533.252.508
Khác	18.286.359	19.286.359
	285.250.962.552	284.157.313.608

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2016 và 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 21(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.
- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn								
Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí								
Dệt may Hưng Yên	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-
		698.061.900	(698.061.900)	-		698.061.900	(698.061.900)	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(698.061.900)				(698.061.900)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	37.836.716.954	-	38.350.640.872	-
Nguyên vật liệu	52.222.108.064	(1.644.212.603)	173.805.446.842	(1.355.019.429)
Công cụ và dụng cụ	2.361.874.235	-	2.568.083.026	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.287.946.452	-	8.165.397.524	-
Thành phẩm	16.140.574.475	(1.805.501.699)	54.952.321.744	(6.638.594.111)
Hàng hóa	4.793.856.397	-	971.220.479	-
	<hr/>			
	122.643.076.577	(3.449.714.302)	278.813.110.487	(7.993.613.540)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 1.215 triệu VND nguyên vật liệu và 16.141 triệu VND thành phẩm (1/1/2020: 1.355 triệu VND nguyên vật liệu và 48.149 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	530.193.710.727	1.085.244.462.772	50.472.739.502	47.481.225.258	1.713.392.138.259
Tăng trong năm	64.555.000	5.062.635.122	-	73.372.727	5.200.562.849
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.442.716.137	895.591.000	1.228.049.090	483.950.000	10.050.306.227
Thanh lý	-	(3.068.866.257)	(702.727.273)	-	(3.771.593.530)
Số dư cuối năm	537.700.981.864	1.088.133.822.637	50.998.061.319	48.038.547.985	1.724.871.413.805
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	185.456.198.116	339.561.465.142	27.957.462.859	24.509.517.706	577.484.643.823
Khấu hao trong năm	27.190.790.657	75.985.303.392	3.989.368.931	4.255.461.295	111.420.924.275
Thanh lý	-	(2.736.318.429)	(702.727.273)	-	(3.439.045.702)
Số dư cuối năm	212.646.988.773	412.810.450.105	31.244.104.517	28.764.979.001	685.466.522.396
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	344.737.512.611	745.682.997.630	22.515.276.643	22.971.707.552	1.135.907.494.436
Số dư cuối năm	325.053.993.091	675.323.372.532	19.753.956.802	19.273.568.984	1.039.404.891.409

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 97.176 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 92.068 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 800.614 triệu VND (1/1/2020: 875.568 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 21(b)).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78.833.849.210	2.925.477.301	81.759.326.511
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	30.922.000	30.922.000
Số dư cuối năm	78.833.849.210	2.956.399.301	81.790.248.511
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.560.093.832	2.129.540.810	18.689.634.642
Khấu hao trong năm	1.638.730.776	132.478.636	1.771.209.412
Số dư cuối năm	18.198.824.608	2.262.019.446	20.460.844.054
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	62.273.755.378	795.936.491	63.069.691.869
Số dư cuối năm	60.635.024.602	694.379.855	61.329.404.457

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 1,980 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 1.980 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	44.551.177.250	148.981.263.100
Tăng trong năm	30.590.465.050	12.993.138.852
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.050.306.227)	(125.294.352.674)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(30.922.000)	-
Vốn hóa chi phí chạy thử	-	7.871.127.972
Số dư cuối năm	65.060.414.073	44.551.177.250

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nhà máy Sợi Nam Định	18.841.452.363	19.125.903.333
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.089.929.018	5.047.567.199
Cao ốc Văn Phòng - Căn hộ Vinatex Building	34.952.147.919	-
Các công trình khác	6.176.884.773	20.377.706.718
	65.060.414.073	44.551.177.250

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.416 triệu VND (1/1/2020: 22.373 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 21(b)).

Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2019: 219 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	43.190.727.995	7.492.443.281	6.058.425.748	1.183.095.310	57.924.692.334
Tăng trong năm	-	6.774.535.003	-	9.600.000	6.784.135.003
Phân bổ trong năm	(1.242.427.200)	(7.532.615.712)	(3.029.212.872)	(734.364.148)	(12.538.619.932)
Số dư cuối năm	41.948.300.795	6.734.362.572	3.029.212.876	458.331.162	52.170.207.405

(*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	122.549.288	122.549.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	51.044.050	81.455.945
▪ Các công ty con khác	616.253.003	963.207.802
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	54.531.890.534	62.592.362.801
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	357.575.726	5.308.001.975
▪ Các công ty liên kết khác	874.324.814	2.837.248.087
Phải trả người bán khác		
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	1.445.562.329	16.150.578.411
▪ CDI Cotton Distributor INC	9.074.279	12.158.180.164
▪ Agrograin Ltd. Sucursal Uruguay	23.516.803.590	-
▪ Các nhà cung cấp khác	18.852.609.318	13.945.444.198
	100.377.686.931	114.159.028.671

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Oliveira & Carvalho, Lda.	-	1.428.494.553
Xiamen Zhanglong Import and Export Co, Ltd.	1.545.468.384	1.341.541.274
Các khách hàng khác	2.613.343.864	1.348.712.512
	4.158.812.248	4.118.748.339

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phát sinh/ đã thu được trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	220.220.199	-	-	220.220.199
Thuế xuất, nhập khẩu	-	129.384.434	(129.384.434)	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	62.616.054	(62.616.054)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	66.768.380	(66.768.380)	-
Thuế môn bài	500.000	1.500.000	(2.000.000)	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	500.000	1.500.000	(2.000.000)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	727.936.378	(552.936.378)	175.000.000
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	448.502.914	(273.502.914)	175.000.000
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	279.433.464	(279.433.464)	-
	220.720.199	858.820.812	(684.320.812)	395.220.199

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2020 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.209.108.527	63.979.273.101	-	(33.946.857.925)	(33.556.074.370)	3.685.449.333
Văn phòng	3.328.978.144	21.822.499.842	-	(4.061.413.858)	(20.589.657.709)	500.406.419
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	47.899.784	23.409.455	-	(70.892.639)	(416.600)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	2.941.389.239	34.485.606.616	-	(26.929.560.418)	(8.086.419.803)	2.411.015.634
Nhà máy Sợi Nam Định	-	2.404.120.559	-	-	(2.404.120.559)	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	860.393.900	5.243.636.629	-	(2.854.543.550)	(2.475.459.699)	774.027.280
Nhà máy May Kiên Giang	30.447.460	-	-	(30.447.460)	-	-
Các loại thuế khác	239.711.890	-	4.721.416.758	(4.796.895.782)	-	164.232.866
+ Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	239.711.890	-	4.715.416.758	(4.790.895.782)	-	164.232.866
Văn phòng	165.743.906	-	4.485.454.627	(4.548.464.985)	-	102.733.548
Nhà máy Sợi Nam Định	66.723.491	-	116.169.502	(149.102.374)	-	33.790.619
Nhà máy Sợi Phú Cường	2.530.000	-	78.263.112	(56.293.305)	-	24.499.807
Trung tâm Thời trang Vinatex	4.714.493	-	35.529.517	(37.035.118)	-	3.208.892



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2020 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2020 VND
Các khoản phải nộp khác						
Tiền thuê đất	-	-	6.584.452.798	(6.584.452.798)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	3.890.590.827	(3.890.590.827)	-	-
Văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	2.693.861.971	(2.693.861.971)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	286.706.316	(78.060.738)	-	208.645.578
Văn phòng Hà Nội	-	-	286.706.316	(78.060.738)	-	208.645.578
	7.448.820.417	63.979.273.101	11.592.575.872	(45.406.267.243)	(33.556.074.370)	4.058.327.777

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.304.717.410
Chi phí lãi vay	266.459.598	411.516.842
Chi phí phải trả khác	2.780.236.544	2.750.186.883
	3.046.696.142	4.466.421.135
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	3.995.368.142	5.415.093.135

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	23.716.800.000	24.665.472.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	22.768.128.000	23.716.800.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055), được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.693.254.921	1.034.396.693
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt kim Đông xuân		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.055.465.397	3.055.465.397
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
– Chi phí chạy thử nhà máy May Tuyên Quang	-	9.564.631.384
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3		
– Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa (iii)	-	24.094.548.602
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3		
– Quyết toán chi phí cổ phần hóa (iv)	-	58.430.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3 – Phải trả khác	522.970.203	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa (iii)	5.375.748.524	5.277.203.756
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán chi phí cổ phần hóa (iv)	1.300.091.928	1.300.091.928
Các bên khác		
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.395.248.287
Lãi vay phải trả	2.274.676.464	3.480.058.192
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	628.151.837	558.051.350
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp (ii)	-	357.614.866.635
Cổ tức phải trả	359.913.125	311.363.625
Các khoản phải trả khác	7.499.119.656	8.769.279.655
	33.416.731.354	426.075.726.516

(i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN, chi tiết như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	7.562.091.012	7.562.091.012

Tại ngày của báo cáo này, các trường đào tạo chưa quyết toán xong các dự án nâng cấp, mở rộng trường nên Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa giải ngân các khoản này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyên đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 5(b)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Bộ Tài chính và Bộ Công thương đã tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định 1080/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên. Đồng thời, tại ngày của báo cáo tài chính này, Tập đoàn đã nộp toàn bộ khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp.

- (iii) Đây là chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn thực góp ở hai công ty con này và giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con này được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt theo Quyết định 1080 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Bộ Công thương ban hành vào ngày 7 tháng 4 năm 2020. Đối với các công ty con mà Tập đoàn sở hữu 100%, giá trị của khoản đầu tư sẽ được điều chỉnh theo giá trị thực góp vào công ty con, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại được phê duyệt theo Quyết định 1080 và giá trị thực góp sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và ghi nhận khoản phải thu hoặc phải trả công ty con tương ứng. Trong năm, khoản phải trả cho Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3 đã được bù trừ với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 39).
- (iv) Đây là những chi phí đã phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chi trả bởi công ty con này. Theo Quyết định 1080, những chi phí đã phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ được giảm trừ khỏi số tiền phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho các công ty con này. Trong năm, khoản phải trả cho Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3 đã được bù trừ với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 39).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020		31/12/2020		
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	221.834.322.093	558.235.608.451	(600.037.889.380)	(785.009.516)	179.247.031.648
Vay dài hạn đến hạn trả	118.921.620.009	144.175.859.416	(125.088.422.171)	(23.477.935)	137.985.579.319
	340.755.942.102	702.411.467.867	(725.126.311.551)	(808.487.451)	317.232.610.967

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	USD	3,0 - 3,2	51.987.295.846	134.767.483.257
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,0 - 3,2	127.259.735.802	87.066.838.836
			179.247.031.648	221.834.322.093

Các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8	2025	67.997.462.558	82.443.998.028
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	Thả nổi	2025	42.716.960.190	51.716.960.190
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2020-2039	1.596.819.840.335	1.625.777.168.044
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	Thả nổi	2027	2.125.000.000	2.625.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	Thả nổi	2027	103.399.610.000	126.664.853.450
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	Thả nổi	2028	118.447.519.141	129.383.214.576
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	VND	Thả nổi	2028	13.006.426.357	16.207.711.630
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	VND	Thả nổi	2025	3.557.371.071	4.349.371.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	Thả nổi	2025	25.745.435.000	31.484.362.360
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	Thả nổi	2024	30.649.832.842	41.596.182.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	Thả nổi	2024	50.916.182.675	69.145.140.350

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21(a))

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

2.055.381.640.169 2.181.393.962.541
(137.985.579.319) (118.921.620.009)

1.917.396.060.850 2.062.472.342.532

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 227.715 triệu VND (1/1/2020: 241.025 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 125.357 triệu VND (1/1/2020: 143.898 triệu VND);
 - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
 - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2020: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 5(a));

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

- (iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Văn phòng Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 159.297 triệu VND (1/1/2020: tài sản cố định với giá trị còn lại là 175.386 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 305.570 triệu VND (1/1/2020: 332.585 triệu VND).
- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 5.090 triệu VND (1/1/2020: 5.047 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	21.360.061.995	23.815.374.842
Trích lập trong năm	10.000.000.000	10.000.000.000
Sử dụng trong năm	(4.997.961.666)	(11.815.646.180)
Phân phối cho các công ty con	(658.858.228)	(639.666.667)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	25.703.242.101	21.360.061.995

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	5.000.000.000.000	30.361.932.352	344.090.705.204	543.092.845.095	5.917.545.482.651
– đã điều chỉnh lại					
Số dư tại ngày 1/1/2019 – đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	29.911.650.892	352.672.256.613	543.092.845.095	5.925.676.752.600
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 40)	-	450.281.460	(8.581.551.409)	-	(8.131.269.949)
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	292.389.411.629	-	292.389.411.629
Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây	-	-	293.800.611.629	-	293.800.611.629
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 40)	-	-	(1.411.200.000)	-	(1.411.200.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
Cổ tức	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	5.000.000.000.000	30.361.932.352	326.480.116.833	543.092.845.095	5.899.934.894.280
– đã điều chỉnh lại					
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	146.202.152.397	-	146.202.152.397
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.000.000.000.000	30.361.932.352	212.682.269.230	543.092.845.095	5.786.137.046.677

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành			
	31/12/2020	1/1/2020	%	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	
			VND	
			%	
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	267.438.100	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	65.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	87.561.900	17,51%
			500.000.000	5.000.000.000.000
			500.000.000	5.000.000.000.000
			100%	100%

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 8 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2019: 300.000 triệu VND (tỷ lệ 6% trên mệnh giá)).

26. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 31/12/2020 và 1/1/2020 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/>
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	28.339.397.982	30.381.025.002
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(2.041.627.020)	(2.041.627.020)
Số dư cuối năm	<u>26.297.770.962</u>	<u>28.339.397.982</u>

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.055.089	24.312.262.588	3.197.150	73.886.147.362
EUR	99.501	2.779.448.070	157	4.056.129
		<u>27.091.710.658</u>		<u>73.890.203.491</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	259.605.123.454	275.112.549.382
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	223.417.876.546	73.189.247.877
	<u>483.023.000.000</u>	<u>348.301.797.259</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.035.377.859.508	769.306.680.036
▪ Dịch vụ gia công	-	5.575.571.210
▪ Cung cấp dịch vụ	106.676.519.317	116.101.023.074
▪ Khác	-	5.138.674.287
	<hr/> 1.142.054.378.825	<hr/> 896.121.948.607
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(114.183.266)	-
	<hr/> 1.141.940.195.559	<hr/> 896.121.948.607

30. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Hàng hoá đã bán	1.005.807.896.149	801.532.292.471
Dịch vụ gia công	-	3.574.746.809
Dịch vụ đã cung ứng	51.770.111.597	48.624.033.972
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.543.899.238)	(7.723.719.544)
	<hr/> 1.053.034.108.508	<hr/> 846.007.353.708

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Cổ tức	194.382.892.515	335.160.763.683
Lãi tiền gửi và cho vay	99.701.265.054	137.350.286.054
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	23.051.458.841
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.037.070.256	1.704.993.754
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.176.177	1.647.605.235
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.209.744.966	261.855.555
	<hr/> 297.342.148.968	<hr/> 499.176.963.122 <hr/>

32. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	59.319.608.732	88.449.551.143
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	22.096.764.513	3.153.773.974
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	641.359.858	3.949.726.910
Các chi phí tài chính khác	-	2.002.972.379
	<hr/> 82.057.733.103	<hr/> 97.556.024.406 <hr/>

33. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	10.903.992.343	9.897.613.190
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.250.003.699	11.609.958.841
Cước vận chuyển quốc tế	17.144.565.747	8.631.148.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.715.573.478	5.245.553.429
Các chi phí bán hàng khác	14.737.254.370	6.549.208.182
	<hr/> 58.751.389.637	<hr/> 41.933.482.546 <hr/>



34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	41.111.641.175	38.305.196.486
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.989.601.474	11.982.082.016
Chi phí thuê đất và nhà cửa	19.362.853.873	21.659.231.776
Công tác phí	2.471.134.199	5.060.960.689
Chi phí thuế, phí và lệ phí	315.300.544	558.692.243
Chi phí điện, nước, điện thoại	1.278.012.338	1.607.685.575
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	2.782.779.221	2.089.105.764
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	28.803.802.852	35.201.380.476
	104.115.125.676	116.464.335.025

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	431.368.028.400	494.551.632.687
Chi phí nhân viên	93.595.489.997	100.259.666.906
Chi phí khấu hao và phân bổ	112.392.933.867	113.162.289.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.081.513.225	100.508.775.171
Chi phí khác	49.065.543.564	155.448.006.366

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	146.202.152.397	292.389.411.629
<hr/>		
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	29.240.430.479	58.477.882.326
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	3.959.642.846	2.807.184.850
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(38.876.578.503)	(67.032.152.737)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm hiện hành	5.676.505.178	5.747.085.561
<hr/>		
	-	-
<hr/>		

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu					Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2020 VND
		Tổng doanh thu 2020 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2020 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2020 VND	Thu nhập khác 2020 VND	Thu nhập khác 2020 VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	757.080.365.556	456.166.208.117	295.261.408.806	5.652.748.633	176.298.783.980	
2	Các đơn vị phụ thuộc						
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	3.338.161	2.954.550	383.611	-	(263.617.997)	
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	374.485.339.753	374.255.342.097	229.997.656	-	(9.628.558.633)	
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	260.883.140.739	259.200.314.160	1.682.826.579	-	(26.040.209.601)	
	Trung tâm Thời trang Vinatex	52.692.531.770	52.429.559.901	162.613.149	100.358.720	5.278.251.289	
	Nhà máy May Kiên Giang	393.029	-	393.029	-	(13.589.371)	
	Nhà máy May Quê Sơn	489.922	-	489.922	-	(4.901.896)	
	Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	579.043.566	-	4.036.216	575.007.350	575.994.626	
3	Tổng cộng	1.445.724.642.496	1.142.054.378.825	297.342.148.968	6.328.114.703	146.202.152.397	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Các công ty con cấp 1 và cấp 2		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
Bù trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với khoản phải trả ngắn hạn khác	24.152.978.602	12.442.777.160
Thu hồi gốc vay	1.247.037.776	-
Nhận điều chuyển tài sản	-	11.311.615.600
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.145.044.722	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	10.454.618	821.388.898
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.852.377.776	3.215.399.221
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.315.052.055	-
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay ngân hàng Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.988.568.803	3.278.164.666
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Bán hàng hóa	904.762	-
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	25.309.526.158	27.852.309.514
Góp vốn	-	20.800.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Cổ tức	21.923.431.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa	600.476.800	4.495.004.714
Doanh thu cho thuê tài sản	17.601.334.337	16.719.535.877
Cung cấp dịch vụ	1.030.145.719	1.314.834.306
Doanh thu gia công	-	12.831.382.903
Mua hàng hóa	3.464.072.728	97.003.698
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.217.602.624	9.051.100.590
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.606.299.041	9.229.062.810
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.707.344.731	-
Bán tài sản và công cụ dụng cụ	-	2.319.296.638

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Bán hàng hóa	1.870.215.480	3.127.118.400
Cung cấp dịch vụ	260.615.274	632.800.696
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	1.282.323.000
Cổ tức	59.854.073.600	82.299.351.200
Lãi trả chậm tiền cổ tức	1.175.476.393	-
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	12.963.395.407	22.374.206.589
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	13.894.622.137	22.891.569.946
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	9.188.048.569	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	26.809.524	81.900.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	63.636.400	-
Cho vay và thu hồi gốc vay	20.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	415.851.361	-
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.683.457.866	9.374.208.094
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.299.790.905	9.193.467.199
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.759.603.087	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	4.854.118.720	5.719.946.204
Cung cấp dịch vụ	25.000.000	20.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	604.216.500	768.608.200
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.521.937.666	5.802.557.560
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.278.572.873	5.690.615.522
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.329.253.203	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	2.557.875.000	2.153.816.000
Cung cấp dịch vụ	51.809.524	20.000.000
Góp vốn	34.461.056.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	5.111.859.200	9.584.736.000
Cung cấp dịch vụ	25.361.905	92.885.422
Thu hồi lãi và phí vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.127.100.432	3.506.773.667
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.982.721.206	3.439.155.086
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.406.664.007	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Doanh thu cho thuê tài sản	18.500.000.000	15.000.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	812.264.071	90.755.682
Bán hàng hóa	-	580.483.988
Ghi giảm cổ tức	-	190.650.380
Cổ tức	1.820.271.396	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Điều chuyển tài sản	-	18.368.584.897
Doanh thu cho thuê tài sản	-	1.447.368.421
Doanh thu bán hàng	23.916.428.404	-
Cung cấp dịch vụ	496.529.318	431.446.164
Cổ tức	372.873.718	229.630.097
Mua hàng hóa	9.242.745.564	56.818.180
Thu hồi lãi và phí vay	2.815.357.789	1.356.976.788
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.468.410.445	2.545.233.901
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.042.501.893	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Doanh thu bán hàng	904.762	-
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác thành phải thu về cho vay ngắn hạn	2.236.722.221	-
Chuyển khoản phải thu dài hạn khác thành phải thu về cho vay ngắn hạn	21.463.277.779	-
Bù trừ phải thu dài hạn khác với phải trả ngắn hạn khác	9.564.631.384	-
Điều chỉnh giảm khoản đầu tư và tăng khoản phải thu dài hạn khác	32.856.238.375	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	-	59.040.000
Bán hàng hóa	-	305.196.860
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Cổ tức	-	16.320.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	6.418.544.288	5.425.885.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (đến ngày 30 tháng 6 năm 2019)		
Cổ tức	-	5.591.250.000
Cung cấp dịch vụ	-	786.610.800
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh – công ty con cấp 2		
Cung cấp dịch vụ	723.810	37.800.000

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (từ ngày 1 tháng 7 năm 2019)		
Cổ tức	3.727.500.000	-
Cung cấp dịch vụ	786.103.200	-
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cổ tức	16.753.500.000	24.637.500.000
Doanh thu bán hàng	25.815.573	-
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cổ tức	12.272.877.600	17.386.576.600
Cung cấp dịch vụ	1.467.730.046	1.468.075.720
Mua hàng hóa	6.667.327.956	16.068.316.373
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cổ tức	9.837.828.000	3.372.969.600
Cung cấp dịch vụ	180.952	20.000.000
Mua hàng hóa	269.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.804.931.503	1.799.999.996
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	6.953.392.000	12.168.436.000
Cung cấp dịch vụ	-	9.090.909
Bán hàng hóa	1.085.714	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cổ tức	1.984.500.000	1.984.500.000
Cung cấp dịch vụ	489.199.068	557.865.686
Mua hàng hóa	13.636.364	83.181.818
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Doanh thu bán hàng hóa	180.952	-
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Cổ tức	1.640.730.000	3.281.460.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	180.952	20.000.000
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Cổ tức	6.338.446.000	11.092.280.500
Mua hàng hóa	89.647.152.865	80.683.579.851
Cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	26.811.840.000	53.623.680.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.284.025.940	3.845.377.833
Mua hàng hóa	24.149.636	357.333.263

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP		
Cổ tức	6.640.824.960	35.575.848.000
Cung cấp dịch vụ	100.000.000	239.971.624
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Cổ tức	-	1.110.832.400
Doanh thu bán hàng hóa	734.236.650	-
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Cổ tức	1.350.000.000	1.080.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.671.398.024	-
Mua hàng hóa	16.184.624.543	-
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu		
Nhận hoàn trả lãi và gốc cho vay	-	1.505.161.905
Thu nhập tiền lãi	-	35.119.749
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Cổ tức	6.048.000.000	12.600.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.083.795.865	2.313.289.842
Mua hàng hóa	52.912.273	12.265.000
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Cổ tức	900.000.000	1.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Vinatex OJ		
Cổ tức	1.161.500.000	1.622.880.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai		
Cổ tức	321.569.541	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao đã trả	3.248.143.560	3.160.009.192
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	4.319.417.535	3.845.892.767

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2020	2019
	VND	VND
Giảm khoản đầu tư vào công ty con và tăng khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 122/QĐ-TĐDMVN liên quan đến Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex do Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2020	32.856.238.375	-
Bù trừ phải thu dài hạn khác với phải trả ngắn hạn khác của TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	9.564.631.384	-
Bù trừ phải thu về cho vay ngắn hạn với phải trả ngắn hạn khác của Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3 (Thuyết minh 20(iii) và 20(iv))	24.152.978.602	12.442.777.160
Điều chuyển tài sản cho các công ty con và ghi nhận phải thu khác, phải trả khác	-	7.056.969.297
Chuyển đổi phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác thành phải thu về cho vay ngắn hạn của TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	23.700.000.000	-
Tăng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt Kim Đông Phương và tăng khoản phải trả ngắn hạn khác	98.544.768	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày ở các Thuyết minh 5(b), 9 và 20, ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt tại Quyết định 1080.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2020 VND (đã điều chỉnh lại)	1/1/2020 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	787.250.282.368	777.257.528.514
Đầu tư vào công ty con	2.140.377.966.617	2.130.260.853.555
Đầu tư vào các công ty liên kết	1.082.737.329.878	1.086.938.145.827
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	55.758.224.260	55.300.323.409
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(193.709.014.409)	(190.784.014.409)
Phải trả ngắn hạn khác	426.075.726.516	403.091.304.749
Thặng dư vốn cổ phần	30.361.932.352	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	326.480.116.833	336.472.868.242

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019 VND (đã điều chỉnh lại)	2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu tài chính	499.176.963.122	500.588.163.122
Lợi nhuận kế toán trước thuế	292.389.411.629	293.800.611.629
Lợi nhuận sau thuế TNDN	292.389.411.629	293.800.611.629

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoại trừ các điều chỉnh nói trên, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



**TẬP ĐOÀN DỆT MAY
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127 /TĐDMVN-TCKT
V/v: Giải trình chênh lệch LNST
trên BCTC kiểm toán năm 2020

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo bị lỗ.

Về vấn đề này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin được giải trình biến động của lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tập đoàn như sau:

Đối với báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 293.800.611.629 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 146.202.152.397 đồng

Chênh lệch giảm: 147.598.459.232 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 50,24% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 716.337.664.864 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 560.541.190.728 đồng

Chênh lệch giảm: 155.796.474.136 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 21,75% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 của Công ty mẹ và Hợp nhất toàn Tập đoàn giảm so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu do dịch bệnh Covid-19 lan rộng trên toàn cầu khiến sản xuất kinh doanh nhiều ngành nghề ở nhiều quốc gia bị ảnh hưởng, trong đó có ngành dệt may nói chung và Tập đoàn Dệt May Việt Nam nói riêng. Dưới tác động tiêu cực của dịch bệnh, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và hầu hết các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đều sụt giảm dẫn đến kết quả chung của Công ty mẹ và toàn Tập đoàn trong năm 2020 thấp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Vũ Hùng